TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Ngô Thị Lắm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Ông Nguyễn Văn Trí.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 763/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1029/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hồng T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp Kiến Quới 1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Bà Bùi Thị Kim X, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Hồng T trình bày, ông T và bà X chung sống với nhau vào năm 2006, không

đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 04/11/2007. Hiện tại, cháu K đang được bà X chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bà X tự ý bỏ nhà đi không trở về, không giữ liên lạc với nhau và không còn sống chung từ thời gian đó cho đến nay, không tới lui thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn với bà X, đồng ý để bà X được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, ông T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Tờ tự khai của ông Lê Hồng T (bản chính); Giấy khai sinh số 682, quyển số 04, ngày 06/12/2007 do Ủy ban nhân dân xã K cấp đối với Lê Minh K (bản sao) và Tờ tự khai của cháu Lê Minh K ngày 12/11/2024.

Tại phiên tòa:

- Ông T có yêu cầu xin xét xử vắng mặt và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà X và ông T là vợ chồng, bà X được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Minh K, ông T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị Kim X. Đồng thời, bà X cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Hồng T có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bà Bùi Thị Kim X đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà X theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Lê Hồng T và bà Bùi Thị Kim X sau thời gian quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn.

Tại công văn số 66/UBND-HT ngày 17/01/2025 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C và Công văn số 29/CV-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện C về việc phúc đáp việc xác minh "Thông tin đăng ký kết hôn" giữa bà X và ông T thì không tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn của bà X và ông T.

Xét, bà X và ông T chung sống với nhau vào năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà X và ông T là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung Lê Minh K, sinh ngày 04/11/2007. Hiện tại, cháu K đang được bà X chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T đồng ý để bà X được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu K hiện đang được bà X chăm sóc nuôi dưỡng phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặc khác, cháu K có ý kiến được ở cùng với bà X, ông T cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K cho bà X tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy cháu K nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà X không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lê Hồng T và bà Bùi Thị Kim X là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Bùi Thị Kim X được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 04/11/2007. Ông Lê Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Bùi Thị Kim X cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Hồng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Hồng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023659 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 12 tháng 11 năm 2024; ông Lê Hồng T đã nộp đủ án phí.

Bà Bùi Thị Kim X không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Ông Lê Hồng T, bà Bùi Thị Kim X có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Lắm